

Số: 325/CV-CTF/2019

V/v: Giải trình số liệu kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3/2019 so với Q3/2018

TP. HCM, Ngày 20 Tháng 10 năm 2019

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: 218 Quốc Lộ 13, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.37 26 26 26

Fax: 028.37 26 26 26

Website: www.cityford.com.vn

Mã chứng khoán: CTF

- Căn cứ vào TT 155/2015/TT-BTC ngày 06.10.2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại mục 4, mục 5 Điều 11:
 4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính 2018 đã công bố so với báo cáo tài chính 2017 đã kiểm toán; có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
 - d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.
 5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính Q3/2019 và báo cáo Quý 3/2018 City Auto và hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CTF QUÝ 3 - NĂM 2019 SO VỚI QUÝ 3 NĂM 2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý III | | Chênh lệch | Tỷ lệ (%) |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|------------------|-----------|
| | | | Năm 2019 | Năm 2018 | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VI.01 | 670,080,017,265 | 484,079,296,180 | 186,000,721,085 | 138% |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | 295,711,164 | 772,727,273 | (477,016,109) | 38% |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 669,784,306,101 | 483,306,568,907 | 186,477,737,194 | 139% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 634,082,106,091 | 450,158,112,475 | 183,923,993,616 | 141% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 35,702,200,010 | 33,148,456,432 | 2,553,743,578 | 108% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 5,660,598 | 3,536,685 | 2,123,913 | 160% |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 6,763,013,040 | 2,926,219,358 | 3,836,793,682 | 231% |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 6,763,013,040 | 2,926,219,358 | 3,836,793,682 | 231% |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.05 | 24,653,422,637 | 17,565,788,882 | 7,087,633,755 | 140% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 12,358,569,388 | 7,329,068,182 | 5,029,501,206 | 169% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (8,067,144,457) | 5,330,916,695 | (13,398,061,152) | -151% |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.07 | 4,147,831,404 | 6,129,269,410 | (1,981,438,006) | 68% |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.08 | 77,258,903 | - | 77,258,903 | |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 4,070,572,501 | 6,129,269,410 | (2,058,696,909) | 66% |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (3,996,571,956) | 11,460,186,105 | (15,456,758,061) | -35% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.09 | - | 1,304,764,493 | (1,304,764,493) | 0% |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - | - | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (3,996,571,956) | 10,155,421,612 | (14,151,993,568) | -39% |

Căn cứ vào số liệu bảng trên Công Ty Cổ Phần CiTy Auto xin được giải trình các điểm thay trọng yếu như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 186.000.721.085 VND tương đương 38 % nguyên nhân sau

+ Điều chỉnh cách ghi nhận các khoản hỗ trợ từ Ford VN -> xuất hóa đơn cho Ford VN.

+ Giá vốn hàng bán tăng tương ứng 183,923,993,616 VND tỷ lệ tăng 41 %

+ Chi phí lãi vay tăng 3,836,793,682 VND tỷ lệ tăng 31% do lượng xe mua về với giá trị lớn để đáp ứng nguồn cung vì vậy nhu cầu vốn tăng từ các khoản vay, lãi suất tại các ngân hàng tăng từ 6% lên 8% -> lãi vay tăng

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng 51% nguyên nhân tăng do

- Chi phí biến đổi tăng đáng kể trong quý 3 bao gồm điện, nước, thuê nhà, chi phí hành chính khác tăng tương ứng
- Chi phí nhân sự tăng 10% do Công ty điều chỉnh tăng lương định kỳ cho CB, CNV



+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (8,067,144,457)VND do :

- Chi phí bán hàng tăng : 40%
- Chi phí Quản lý tăng 69 %
- Chi phí lãi vay tăng 33 %

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 3/2019 SO VỚI QUÝ 3/2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý III | | Chênh lệch | Tỷ lệ (%) |
|--|-------|-------------|-------------------|-----------------|------------------|-----------|
| | | | Năm 2019 | Năm 2018 | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VI.01 | 1,625,544,627,181 | 782,768,388,040 | 842,776,239,141 | 208% |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | 30,222,564,813 | 6,073,636,364 | 24,148,928,449 | 498% |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1,595,322,062,368 | 776,694,751,676 | 818,627,310,692 | 205% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 1,516,740,900,626 | 728,717,263,939 | 788,023,636,687 | 208% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 78,581,161,742 | 47,977,487,737 | 30,603,674,005 | 164% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 283,950,439 | 6,070,157 | 277,880,282 | 4678% |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 12,919,497,808 | 4,828,286,914 | 8,091,210,894 | 268% |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 12,919,497,808 | 4,828,286,914 | 8,091,210,894 | 268% |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.05 | 52,202,610,383 | 27,251,843,967 | 24,950,766,416 | 192% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 33,580,970,771 | 14,839,759,780 | 18,741,210,991 | 226% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (19,837,966,781) | 1,063,667,233 | (20,901,634,014) | |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.07 | 12,925,171,083 | 14,018,497,003 | (1,093,325,920) | 92% |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.08 | 900,989,521 | 332,951,617 | 568,037,904 | 271% |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 12,024,181,562 | 13,685,545,386 | (1,661,363,824) | 88% |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (7,813,785,219) | 14,749,212,619 | (22,562,997,838) | |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.09 | 593,894,168 | 1,962,569,796 | (1,368,675,628) | 30% |
| 16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - | - | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (8,407,679,387) | 12,786,642,823 | (21,194,322,210) | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | (8,266,998,463) | 12,324,230,902 | (20,591,229,365) | |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát | 62 | | (140,680,924) | 462,411,921 | (603,092,845) | |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | (133) | 685 | (818) | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | (133) | 685 | (818) | |

Căn cứ vào số liệu bảng trên Công Ty Cổ Phần CiTy Auto xin được giải trình các điểm thay trọng yếu trên báo cáo hợp nhất như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 842,776,239,141VND tương đương 108% nguyên nhân do :



- Hợp nhất Doanh thu Huynhdai Trường Chinh 485,422,187,054 VND
 - NTF, CTF, PMF bán tăng số lượng các loại xe nhập khẩu giá trị lớn dẫn đến tổng tăng
 - Giá vốn tăng tương ứng
 - Chi phí lãi vay tăng do những nguyên nhân đã được trình bày bên trên
 - Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao cụ thể : Chi phí thuê nhà, điện, nước, nhiên liệu, chi phí hành chính điều tăng do mức tăng chung của VN
+ Lợi nhuận trước thuế (7,813,785,219) VND chủ yếu do
 - Công ty mẹ CTF : (3,996,346,344) VND
 - Auto Nha Trang : (2,363,462,285) VND
 - Auto Phú Mỹ : (2,958,157,926) VND
 - Huyndai Trường Chinh : 2,976,998,048 VND
 - Phân bổ lợi thế thương mại do việc mua CP Trường Chinh : (1,472,816,712) VND
- Đây là giải trình các khoản thay đổi trọng yếu giữa số liệu báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3 năm 2019 so với Quý 3 năm 2018 báo cáo City Auto và hợp nhất

Trân trọng cảm ơn và kính chào!

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**



**Tổng Giám Đốc
TRẦN TRUNG CHÁNH**

